

Số: 1678/KL-SKĐT

Bắc Giang, ngày 17 tháng 9 năm 2018

KẾT LUẬN THANH TRA

Kết quả công tác quản lý nhà nước về lập kế hoạch, giao kế hoạch phân bổ, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công huyện Hiệp Hòa năm 2016 -2018

Thực hiện Quyết định thanh tra số 196/QĐ-SKHĐT ngày 29/6/2018 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thanh tra việc lập, phân bổ và sử dụng nguồn vốn đầu tư công huyện Hiệp Hòa năm 2016 - 2018. Từ ngày 12/7/2018 đến ngày 22/8/2018, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại UBND huyện Hiệp Hòa và một số chủ đầu tư thực hiện các dự án đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn huyện Hiệp Hòa.

Đoàn thanh tra đã tiến hành cuộc thanh tra, kiểm tra theo quy định hiện hành, tạo điều kiện cho các đối tượng thanh tra được giải trình, phản hồi về các ý kiến của Đoàn trên tinh thần dân chủ, công khai.

Xét báo cáo kết quả thanh tra việc phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công huyện Hiệp Hòa năm 2016 - 2018 ngày 06/9/2018 của Đoàn thanh tra, Kết luận thanh tra như sau:

PHẦN I KHÁI QUÁT CHUNG

Hiệp Hòa là huyện trung du nằm phía Tây Nam của tỉnh có diện tích trên 20.110 ha, dân số trung bình trên 221 nghìn người. Trong những năm gần đây, cơ cấu kinh tế huyện Hiệp Hòa dịch chuyển theo hướng công nghiệp, dịch vụ. Tổng giá trị sản xuất năm ước đạt 7.671 tỷ đồng tăng 15,5% so cùng kỳ trong đó công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tiếp tục dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng (22,2%) với các ngành sản xuất chiếm tỷ trọng lớn như may mặc, điện tử, đồ gỗ mỹ nghệ, cơ khí, vật liệu xây dựng... tạo việc làm cho trên 20 nghìn lao động chiếm 11,6% tổng thu ngân sách trên địa bàn. Thu hút thêm 11 doanh nghiệp đầu tư thực hiện 13 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 728,2 tỷ đồng. Hoạt động thương mại - dịch vụ tiếp tục duy trì, phát triển ổn định và ngày càng năng động, đa dạng với sự gia tăng của thương mại điện tử, bán hàng trực tuyến, giá cả các mặt hàng thiết yếu ít biến động so cùng kỳ. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội giữ vững, hệ thống chính trị ổn định đã góp phần không nhỏ cho việc phát triển kinh tế- xã hội của huyện.

Trong vài năm gần đây, thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới, quan tâm nâng cao đời sống người dân ở khu vực nông thôn, ngoài việc thu hút nguồn lực bên ngoài và xã hội hóa, huyện đã tập trung nguồn thu để kích cầu đầu tư xây dựng các thiết chế, cơ sở hạ tầng cho các xã, đến nay 04 xã sẽ về đích nông thôn mới theo kế hoạch đã cơ bản hoàn thành các tiêu chí (đạt 16/19 tiêu chí).

PHẦN II

KẾT QUẢ THANH TRA

1. Công tác lập, thẩm định, phân bổ và thực hiện kế hoạch đầu tư công:

Hàng năm, căn cứ khung hướng dẫn của Sở kế hoạch và Đầu tư, huyện triển khai và giao cho các ngành chuyên môn xây dựng, tổng hợp kế hoạch đầu tư công hàng năm theo đúng quy định⁽¹⁾.

Việc tổng hợp, lập kế hoạch, giao kế hoạch vốn đầu tư cho các dự án trong giai đoạn 2016-2018 đã được huyện cơ bản thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của tỉnh về nguyên tắc phân bổ vốn, định mức vốn bố trí theo ngành, lĩnh vực, nhóm dự án và việc quản lý sử dụng các nguồn vốn hàng năm.

Căn cứ vào các quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm của UBND tỉnh, đối với các dự án tỉnh phân bổ trực tiếp đến từng dự án, công trình, huyện phân khai và giao cho các ngành chuyên môn thực hiện; đối với các nguồn vốn được tỉnh phân cấp (Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình 135 năm 2018), sau khi giao cho các ngành chuyên môn, các xã, thị trấn rà soát, huyện tổng hợp trình các cấp thẩm quyền cho ý kiến, chủ trương thực hiện chung cho danh mục các công trình; công tác thông báo, điều chỉnh kế hoạch vốn cơ bản thực hiện kịp thời, theo đúng trình tự quy định.

Giai đoạn 2016-2018⁽²⁾, huyện Hiệp Hòa phân bổ kế hoạch vốn thực hiện 264 dự án khởi công mới, 94 dự án chuyển tiếp và 88 dự án hoàn thành với tổng kế hoạch vốn đầu tư công là 579,6 tỷ đồng (gồm: Ngân sách Trung ương 113,7 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 136,8 tỷ đồng; ngân sách huyện 228 tỷ đồng; ngân sách xã 77,5 tỷ đồng; và vốn khác là 23,5 tỷ đồng). Tổng giá trị khối lượng thực hiện ước đạt 442,4 tỷ đồng, bằng 76,3% kế hoạch; tổng giá trị đã giải ngân đạt 432,6 tỷ đồng, bằng 74,6% kế hoạch, cụ thể từng năm như sau:

- Kế hoạch vốn năm 2016 là 152,7 tỷ đồng (gồm: Ngân sách Trung ương 22,3 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 44,5 tỷ đồng; ngân sách huyện 60,8 tỷ đồng (trong đó: trả nợ dự án hoàn thành 982 triệu đồng; bố trí cho dự án chuyển tiếp 28,5 tỷ đồng; và bố trí cho dự án khởi công mới là 31,3 tỷ đồng); ngân sách xã 18,4 tỷ đồng (bố trí cho các dự án hoàn thành 931 triệu đồng; bố trí cho dự án chuyển tiếp 855 triệu đồng; dự án khởi công mới 16,6 tỷ đồng); vốn khác là 6,8 tỷ đồng. Giá trị khối lượng thực hiện ước đạt 154 tỷ đồng, bằng 100,8% kế hoạch; giá trị giải ngân đạt 148,2 tỷ đồng, bằng 97% kế hoạch.

- Kế hoạch vốn năm 2017 là 167,2 tỷ đồng (gồm: Ngân sách Trung ương 18,7 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 41,1 tỷ đồng; ngân sách huyện 80,5 tỷ đồng (trong đó: trả nợ dự án hoàn thành 6,2 tỷ đồng; bố trí cho dự án chuyển tiếp là 21,2 tỷ đồng; và bố trí cho dự án khởi công mới là 53,1 tỷ đồng); ngân sách xã 22,7 tỷ đồng (bố trí cho dự án các dự án hoàn thành 2,8 tỷ đồng; bố trí cho các dự án chuyển tiếp 6,9

⁽¹⁾ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND huyện; Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016. Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 21/12/2016 của HĐND huyện; Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017. Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 22/12/2017 của HĐND huyện; Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND huyện Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2018.

⁽²⁾ Số liệu kế hoạch vốn là số liệu Đoàn thanh tra rà soát, tính toán lại trên cơ sở kế hoạch vốn Trung ương và tỉnh đã phân bổ cho huyện; số liệu giá trị khối lượng thực hiện và giải ngân căn cứ theo báo cáo của huyện sau khi đã loại trừ một số dự án trùng lặp.

tỷ đồng; bố trí cho các dự án khởi công mới 13 tỷ đồng); và vốn khác là 4,2 tỷ đồng. Giá trị khối lượng thực hiện ước đạt 170 tỷ đồng, bằng 102% kế hoạch; giá trị giải ngân đạt 163,5 tỷ đồng, bằng 97,8% kế hoạch.

- Kế hoạch vốn năm 2018 (đến tháng 4/2018) là 259,7 tỷ đồng (gồm: Ngân sách Trung ương 72,8 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 51,2 tỷ đồng; ngân sách huyện 86,8 tỷ đồng (trong đó: trả nợ dự án hoàn thành 519 triệu đồng; bố trí cho dự án chuyển tiếp 63,3 tỷ đồng; và bố trí cho dự án khởi công mới 23 tỷ đồng); ngân sách xã 36,4 tỷ đồng (bố trí cho dự án khởi công mới 684 triệu đồng; bố trí cho các dự án chuyển tiếp 9,1 tỷ đồng; bố trí cho các dự án khởi công mới 26,6 tỷ đồng); vốn khác là 12,5 tỷ đồng. Giá trị khối lượng thực hiện ước đạt 118,3 tỷ đồng, bằng 45,6% kế hoạch; giá trị giải ngân đạt 120,8 tỷ đồng, bằng 46,5% kế hoạch.

Tuy nhiên, còn có một số tồn tại sau:

*** Việc lập và phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020:**

- Bố trí mức vốn kế hoạch nguồn ngân sách huyện từ tiền đất cho các dự án khởi công mới bằng với tổng mức đầu tư của dự án⁽³⁾ là chưa đúng nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 (theo đó quy định đối với các dự án dở dang và các dự án khởi công mới, mức vốn kế hoạch bố trí cho từng dự án không vượt quá 90% tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, do quá trình xây các nghị quyết trên chưa có hiệu lực. Tuy nhiên khi phê duyệt cũng không điều chỉnh). Năm 2018, bố trí vốn kế hoạch 176.588,546 triệu đồng cho các dự án chuyển tiếp không xác định rõ nguồn vốn của ngân sách cấp nào.

- Một số Biểu giao dự kiến kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện chưa đúng theo khung hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, chưa phân định rõ các nguồn vốn và mức vốn kế hoạch bố trí cho dự án.

- Bố trí vốn kế hoạch cho các dự án khởi công mới do UBND các xã làm chủ đầu tư khi chưa đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 55 Luật Đầu tư công (chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư)⁽⁴⁾. Vì trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của huyện đã phê duyệt thì toàn bộ danh mục các công trình do UBND các xã làm chủ đầu tư đều không có thông tin về quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

⁽³⁾ Năm 2016: Bố trí vốn kế hoạch (nguồn ngân sách huyện từ tiền đất) 431.044,906 triệu đồng cho 33 dự án khởi công mới có tổng mức đầu tư 431.044,906 triệu đồng. Năm 2017: Bố trí vốn kế hoạch (nguồn ngân sách huyện từ tiền đất) 47.802,929 triệu đồng cho 3 dự án chuyển tiếp có tổng mức đầu tư là 47.802,929 triệu đồng; và 106.272,393 triệu đồng cho 23 dự án khởi công mới có tổng mức đầu tư là 106.272,393 triệu đồng. Năm 2018: Bố trí 49.013,479 triệu đồng cho 4 dự án chuyển tiếp (Xây dựng HTKT các khu dân cư Đoàn Bái số 2, Đức Thắng, Đông Lễ và khu dân cư Am Cam, thôn Chớp, xã Lương Phong) có tổng mức đầu tư là 49.013,479 triệu đồng; bố trí vốn kế hoạch (nguồn ngân sách huyện từ tiền đất) 441.139,627 triệu đồng cho 33 dự án khởi công mới có tổng mức đầu tư là 432.573,627 triệu đồng, mức vốn kế hoạch bố trí vượt tổng mức đầu tư.

⁽⁴⁾ Năm 2016 có 01 dự án: Trụ sở Đảng ủy. HĐND-UBND xã Thái Sơn (vốn NS tỉnh hỗ trợ xây dựng trụ sở xã). Năm 2017 có 21 dự án, gồm: 01 dự án vốn NS tỉnh hỗ trợ là Đường giao thông 288 đoạn nối QL37 đi Ban chỉ huy quân sự (giao với đường nối QL37-ĐT295); 20 dự án vốn ngân sách huyện từ tiền sử dụng đất, trừ 3 dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đông Lễ; Đường vành đai nối QL37-ĐT295 Cầu Chớp đi công Ba Mỏ; và Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Quang Minh đi Hùng Sơn (trong đó có 6 dự án phê duyệt chủ trương năm 2017). Năm 2018 có 54 dự án, gồm: 22 dự án vốn NS tỉnh hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất trường mầm non theo NQ 28/2014/NQ-HĐND; 01 dự án vốn NS tỉnh hỗ trợ xây dựng trụ sở xã là Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Hương Lâm; và 31 dự án đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách huyện từ tiền đất, trừ 2 dự án Xây dựng mô hình cơ sở tạm lánh kết hợp trường mầm non xã Hoàng Vân và dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư Bách Nhãn giai đoạn 1 (trong đó có 6 dự án phê duyệt chủ trương năm 2017).

*** Việc lập và phân bổ kế hoạch đầu tư công hàng năm:**

- Biểu mẫu giao kế hoạch đầu tư công hàng năm của huyện chưa phản ánh hết thông tin của dự án theo hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công hàng năm của Trung ương và của tỉnh, như: Chủ đầu tư; địa điểm xây dựng; năng lực thiết kế; thời gian khởi công hoàn thành; quyết định đầu tư ban đầu; quyết định đầu tư điều chỉnh.

- Năm 2016, Chủ tịch UBND huyện phân bổ chi tiết một số nguồn vốn (trả nợ khối lượng hoàn thành dự án; chuẩn bị đầu tư; hỗ trợ kinh phí cho xã; vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới) là không đúng thẩm quyền; năm 2017 và 2018, UBND huyện ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện phân bổ chi tiết các nguồn vốn: Chuẩn bị đầu tư, vốn trả nợ dự án hoàn thành đã có quyết định phê duyệt quyết toán, vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình 135 là không có cơ sở⁽⁵⁾.

- Phân bổ vốn cho một số dự án khởi công mới của cấp xã hoàn thành thủ tục đầu tư chưa đúng thời gian quy định⁽⁶⁾.

- Việc Chủ tịch UBND huyện phân bổ vốn cho dự án San lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Giếng và thôn Cửa Đền, xã Hòa Sơn để trả nợ quyết toán (tại Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 07/02/2018) là không đúng thẩm quyền và không đúng quy định. Lý do: Tại các quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt báo cáo KTKT, điều chỉnh dự toán đều không ghi rõ cơ cấu nguồn vốn, nguồn vốn để thực hiện dự án không được ghi vốn ngân sách huyện. Bên cạnh đó, dự án được triển khai thực hiện cho đến khi phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành mới được bố trí kế hoạch vốn là 1,96 triệu đồng/1.255,212 triệu đồng giá trị quyết toán được duyệt (tại Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Chủ tịch UBND xã Hòa Sơn), việc này là một trong những nguyên nhân gây nợ đọng XDCB tại cấp xã.

2. Công tác lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư

Tổng số dự án được lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư giai đoạn 2016-2018 là 507 dự án, trong đó: Năm 2016 có 243 dự án; năm 2017 và 4 tháng đầu năm 2018 là 264 dự án.

Qua thanh tra cho thấy công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cơ bản theo quy định tại Luật Đầu tư công. **Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau:**

2.1. Đối với các dự án do cấp huyện phê duyệt chủ trương đầu tư

⁽⁵⁾ Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND huyện được quy định tại Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Điều 93 Luật Đầu tư công năm 2014; Điều 57 Nghị định 77/2015/NĐ-CP; Khoản 1, Điều 28 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP.

⁽⁶⁾ Năm 2016 có 8 công trình, gồm: 03 dự án thuộc CTMTQG có quyết định đầu tư phê duyệt sau ngày 31/8/2016 (hướng dẫn tại NQ 60/NQ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ), gồm: Công trình nhà làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Thái Sơn, hạng mục sân công trường rào rào thoát nước; Cứng hóa đường giao thông trục xã quanh chợ Chèo, xã Thái Sơn; Nhà văn hóa thôn Xuân Biều, xã Xuân Cẩm (vốn NS tỉnh NTM); 05 dự án có quyết định đầu tư phê duyệt sau ngày 31/3/2016 (hướng dẫn của Bộ KH&ĐT tại Công văn 10638/BKHĐT-TH ngày 30/11/2015), gồm: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Lương Phong; Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Mai Trung-Hợp Thịnh; Công trình chợ Chèo, xã Thái Sơn; Cải tạo sân vườn, trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa (vốn NS huyện); Công trình cứng hoá đường GTNT thôn Giang Tân, xã Thái Sơn (vốn NS xã). Năm 2017 có 3 công trình có quyết định đầu tư phê duyệt sau ngày 30/9/2017 (hướng dẫn tại NQ 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ), gồm: Cứng hóa kênh mương thôn Tân Thành-Đồng Giang-Phú Hòa-Đầu Cầu-Minh Châu, xã Hoàng Thanh (vốn CT135); Nhà văn hóa thôn Sơn Giao, xã Mai Trung (vốn NS xã); Lát sân nhà văn hóa Đồng Thanh, xã Hoàng Thanh (NS xã). Năm 2018 có 3 dự án có quyết định đầu tư phê duyệt sau ngày 31/10/2017, gồm: Điểm thu gom rác thải tập trung xã Mai Trung; Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Sơn Giao, xã Mai Trung; Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Quyền, xã Mai Trung.

- Một số quyết định chủ trương đầu tư do huyện phê duyệt đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau không xác định rõ nguồn vốn, cơ cấu tỷ lệ nguồn vốn ở từng cấp ngân sách và nguồn vốn khác, cũng như không xác định rõ ngân sách nhà nước ở cấp nào⁽⁷⁾.

- Hầu hết các quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư đều không ghi nội dung về nhóm dự án theo mẫu quy định tại Nghị định 136/2015/NĐ-CP.

2.2. Đối với các dự án do cấp xã phê duyệt chủ trương đầu tư

- Một số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp xã đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau đều không xác định rõ nguồn vốn, cơ cấu tỷ lệ nguồn vốn ở từng cấp ngân sách và nguồn vốn khác, cũng như không xác định rõ ngân sách nhà nước ở cấp nào⁽⁸⁾; và hầu hết đều không ghi nội dung về nhóm dự án tại Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư theo mẫu quy định của Nghị định 136/2015/NĐ-CP.

- Một số dự án khởi công mới đầu tư từ nguồn ngân sách xã không có văn bản thẩm định nguồn vốn⁽⁹⁾.

- Qua kiểm tra chọn mẫu hồ sơ chủ trương đầu tư của 4 công trình⁽¹⁰⁾, **còn một số tồn tại sau:**

+ Về thành phần hồ sơ: Cả 4 hồ sơ đều có hồ sơ không có văn bản thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

+ Về nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Có 01 Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chưa đầy đủ nội dung theo quy định như thiếu nội dung về các điều kiện để thực hiện dự án, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư (dự án Xây dựng Trường mầm non Đông Lỗ 2, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa; hạng mục Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng).

+ Về nội dung thẩm định chủ trương đầu tư: Cả 4 báo cáo thẩm định đều không thẩm định đầy đủ các nội dung theo quy định (như: Thiếu nội dung thẩm định về hình thức đầu tư; nội dung thẩm định về địa điểm, diện tích đất cần sử dụng; thiếu nội dung thẩm định về các nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; thiếu nội dung thẩm định về sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án; về thời gian, tiến độ thực hiện); ngoài ra, tại dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ TL295 đi UBND xã của xã Hương Lâm nội dung thẩm định còn có sai sót như thẩm định về sự phù hợp với quy hoạch lại khẳng định “..., đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Lương Phong... ”.

+ Về Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Cả 4 quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư đều không ghi nội dung về nhóm dự án. Còn có dự án phê duyệt chủ

⁽⁷⁾ Tổng số có 7 công trình, trong đó: Năm 2014 có 3 công trình, gồm: Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Ngọc Sơn-Hoàng Thanh (QĐ 4931/QĐ-UBND ngày 26/9/2014); Trường mầm non Hợp Thịnh (QĐ 5187/QĐ-UBND ngày 21/10/2014); Đường nội thị của thị trấn mở rộng đoạn nối ĐT295 với ĐT296 dọc theo kênh 1B (QĐ 4489/QĐ-UBND ngày 07/8/2014). Năm 2015 có 3 công trình, gồm: Lát vỉa hè Trung tâm thị trấn Thắng và Đèn đường QL37 (QĐ số 3081/QĐ-UBND ngày 13/7/2015); Trường mầm non Hương Lâm số 2, hạng mục nhà 2 tầng 4 phòng học và nhà 1 tầng 1 phòng học (QĐ 3811a/QĐ-UBND ngày 02/10/2015); Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Danh Thắng (QĐ 4324/QĐ-UBND ngày 03/7/2015). Năm 2016 có 01 công trình, gồm: Đường nối QL37 với ĐT295-cầu Chớp đi công Ba Mô (QĐ 1041a/QĐ-UBND ngày 13/10/2016).

⁽⁸⁾ Tổng số có 128 công trình, trong đó: Năm 2014 có 4 công trình; năm 2015 có 15 công trình; năm 2016 có 62 công trình; năm 2017 có 47 công trình.

⁽⁹⁾ Tổng số có 19 công trình, trong đó: Năm 2016 có 9 công trình; năm 2017 có 9 công trình; năm 2018 có 01 công trình.

⁽¹⁰⁾ Gồm các công trình: Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 3 xã vùng ATK II (Hương Lâm, Hợp Thịnh, Mai Trung); Xây dựng công trình Trường mầm non Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa; hạng mục nhà lớp học 2 tầng 4 phòng; Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ TL295 đi UBND xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa; Xây dựng Trường mầm non Đông Lỗ 2, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa; hạng mục Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng.

trương sai thẩm quyền và không ghi thời gian thực hiện dự án (dự án Xây dựng Trường mầm non Đông Lỗ 2, xã Đông Lỗ, hạng mục Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng); sai thể thức văn bản (dự án Xây dựng công trình Trường mầm non Danh Thắng, hạng mục nhà lớp học 2 tầng 4 phòng); không ghi rõ cơ cấu các nguồn vốn (các dự án: Xây dựng công trình Trường mầm non Danh Thắng, hạng mục nhà lớp học 2 tầng 4 phòng; Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ TL295 đi UBND xã của xã Hương Lâm; và Xây dựng Trường mầm non Đông Lỗ 2, xã Đông Lỗ, hạng mục Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng); phần căn cứ pháp lý không căn cứ vào Báo cáo kết quả thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn (dự án Xây dựng công trình Trường mầm non Danh Thắng, hạng mục nhà lớp học 2 tầng 4 phòng); không ghi số, ngày, tháng của tờ trình đề nghị thẩm định và báo cáo của hội đồng thẩm định (Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ TL295 đi UBND xã của xã Hương Lâm).

3. Công tác thẩm định, phê duyệt dự án

Tổng số dự án được lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư giai đoạn 2016-2018 là 507 dự án, trong đó: Năm 2016 có 243 dự án, năm 2017 và 4 tháng đầu năm 2018 là 264 dự án.

Qua thanh tra cho thấy việc thẩm định, trình và phê duyệt dự án đầu tư cơ bản thực hiện theo quy định hiện hành, phù hợp với chủ trương đầu tư đã được phê duyệt. **Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau:**

3.1. Đối với các dự án do cấp huyện phê duyệt quyết định đầu tư

- Còn có nhiều quyết định phê duyệt Báo cáo KTKT của cấp huyện đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau đều không xác định rõ nguồn vốn, cơ cấu tỷ lệ nguồn vốn ở từng cấp ngân sách và nguồn vốn khác, cũng như không xác định rõ ngân sách nhà nước ở cấp nào⁽¹¹⁾.

3.2. Đối với các dự án do cấp xã phê duyệt quyết định đầu tư

⁽¹¹⁾ Tổng số có 23 công trình, trong đó: **Năm 2014** có 02 công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hương Lâm-Mai Đình 2 (QĐ 5425/QĐ-UBND ngày 27/10/2014); Đường nội thị của thị trấn mở rộng đoạn nối ĐT 295 với ĐT 296 dọc theo kênh 1B (QĐ 5429/QĐ-UBND ngày 29/10/2014). **Năm 2015** có 8 công trình, gồm: Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Ngọc Sơn-Hoàng Thanh (QĐ 1266/QĐ-UBND ngày 17/3/2015); Lát vỉa hè Trung tâm thị trấn Thăng và Đèn đường QL37 (QĐ 5264/QĐ-UBND ngày 25/9/2015); Đường BTXM nội đồng thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh (QĐ 6200a/QĐ-UBND ngày 29/10/2015); Trường mầm non Bắc Lý, xã Bắc Lý, hạng mục nhà lớp học 3 tầng 9 phòng (QĐ 6199/QĐ-UBND ngày 29/10/2015); Trường mầm non Hương Lâm số 2, hạng mục nhà 2 tầng 4 phòng học và nhà 1 tầng 1 phòng học (QĐ 6095a/QĐ-UBND ngày 21/10/2015); Đường BTXM liên thôn từ Cổng Xít (Cầm Bào) đi Nội Xuân, xã Mai Trung (QĐ 6022a/QĐ-UBND ngày 13/10/2015); Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Danh Thắng (QĐ 6222/QĐ-UBND ngày 30/10/2015); Đường bê tông trục xã Mai Phong đi Trung Hưng, xã Mai Trung (QĐ 6039a/QĐ-UBND ngày 14/10/2015). **Năm 2016** có 6 công trình, gồm: Đường nối QL37 với ĐT295-cầu Chớp đi công Ba Mô (QĐ 4097/QĐ-UBND ngày 31/10/2016); Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Thanh Vân (QĐ 4082a/QĐ-UBND ngày 28/10/2016); Cải tạo, sửa chữa máy móc, thiết bị kênh dẫn nước trạm bơm thôn Châu Lỗ, xã Mai Đình (QĐ 3480/QĐ-UBND ngày 21/9/2016); Đường bê tông nội đồng từ thôn Lạc Yên 3 đi Lạc Yên 1, xã Hoàng Vân (QĐ 4047/QĐ-UBND ngày 28/10/2016); Đường bê tông thôn Phúc Linh, xã Hương Lâm (QĐ 4046/QĐ-UBND ngày 18/10/2016); Đường bê tông từ thôn San đi thôn Nguyễn, xã Mai Đình (QĐ 4044/QĐ-UBND ngày 28/10/2015). **Năm 2017** có 7 công trình, gồm: Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Hùng Sơn (QĐ 4372/QĐ-UBND ngày 29/5/2017); Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 3 xã vùng ATK II (Hương Lâm, Hợp Thịnh, Mai Trung) (QĐ 4973/QĐ-UBND ngày 12/7/2017); Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 4 xã vùng ATK II (Đồng Tân, Đại Thành, Hòa Sơn, Quang Minh) (QĐ 4977/QĐ-UBND ngày 12/7/2017); Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 4 xã vùng ATK II (Hợp Thịnh, Hùng Sơn, Thái Sơn, Hoàng Thanh) (QĐ 4975/QĐ-UBND ngày 12/7/2017); Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 3 xã vùng ATK II (Thanh Vân, Hoàng Thanh, Mai Đình) (QĐ 4976/QĐ-UBND ngày 12/7/2017); Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 4 xã vùng ATK II (Hoàng Vân, Mai Trung, Mai Đình, Xuân Cầm) (QĐ 4974/QĐ-UBND ngày 12/7/2017); Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND xã Đông Lỗ (QĐ 6764a/QĐ-UBND ngày 30/10/2017).

- Hầu hết các quyết định phê duyệt Báo cáo KTKT đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau đều không xác định rõ nguồn vốn, cơ cấu tỷ lệ nguồn vốn ở từng cấp ngân sách, nguồn vốn do nhân dân đóng góp và nguồn vốn khác⁽¹²⁾.

- Còn có một số dự án khởi công mới đầu tư từ nguồn ngân sách xã được quyết định đầu tư khi chưa được quyết định chủ trương đầu tư⁽¹³⁾.

4. Công tác đấu thầu và giám sát đánh giá đầu tư:

Trong năm 2015 trên địa bàn huyện thực hiện lựa chọn nhà thầu 332 gói thầu trong đó có 203 gói thầu chỉ định thầu, 04 gói thầu đấu thầu rộng rãi, 125 gói thầu có sự tham gia của cộng đồng, với tổng giá gói thầu 254.002 triệu đồng, tổng giá trúng thầu 242.351 triệu đồng, giảm 11.651 triệu đồng bằng 4,59%. Năm 2016 thực hiện 167 gói thầu trong đó có 120 gói thầu chỉ định thầu, 29 gói thầu tham gia của cộng đồng, 3 gói thầu chào hàng cạnh tranh, 15 gói thầu đấu thầu rộng rãi, với tổng giá gói thầu 92.473 triệu đồng, tổng giá trúng thầu 88.778 triệu đồng, giảm 3.696 triệu đồng bằng 4,00%. Năm 2017 thực hiện 36 gói thầu trong đó có 30 gói thầu chỉ định thầu, 01 gói thầu chào hàng cạnh tranh, 5 gói thầu đấu thầu rộng rãi, với tổng giá gói thầu 28.091 triệu đồng, tổng giá trúng thầu 26.971 triệu đồng, giảm 1.120 triệu đồng bằng 3,99%. Việc lựa chọn nhà thầu đã đi vào nề nếp, từng bước nâng cao chất lượng hiệu quả trong quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng và đấu thầu. Việc giảm giá gói thầu đảm bảo theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn 2058/UBND-XD ngày 13/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh. Tuy nhiên, việc thực hiện kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu và giám sát đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư chưa được chú trọng chỉ thực hiện kiểm tra công tác đấu thầu cùng với quá trình kiểm tra chất lượng công trình trên địa bàn huyện (Vì huyện thành lập một đoàn kiểm tra liên ngành TP có TCKH, KTHT, VP... do Phòng KTHT chủ trì).

5. Tình hình nợ đọng XDCB:

Tổng giá trị nợ đọng XDCB trên địa bàn huyện đến ngày 31/12/2015 là 122,328 tỷ đồng. Trong đó: Các dự án cấp huyện 44,999 tỷ đồng, các dự án cấp xã 77,330 tỷ đồng. Ngân sách cấp tỉnh nợ 6,544 tỷ đồng, ngân sách huyện nợ 40,705 tỷ đồng, ngân sách xã nợ 74,325 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 0,755 tỷ đồng.

Tổng giá trị nợ đọng XDCB trên địa bàn huyện đến ngày 31/12/2016 là 71,521 tỷ đồng.

Trong đó:

Ngân sách trung ương nợ 1,319 tỷ đồng, bao gồm: Nợ của các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa phê duyệt quyết toán.

Ngân sách cấp tỉnh nợ 10,424 tỷ đồng, bao gồm: Nợ của các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa phê duyệt quyết toán.

Ngân sách huyện nợ 6,582 tỷ đồng, bao gồm: Nợ của các công trình đã quyết toán là 1,353 tỷ đồng, nợ của các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa phê duyệt quyết toán là 1,958 tỷ đồng và nợ khối lượng hoàn thành của các dự án, công trình thi công dở dang là 3,271 tỷ đồng.

⁽¹²⁾ Tổng số có 100 công trình, cụ thể: Năm 2014 có 2 công trình; năm 2015 có 14 công trình; năm 2016 có 49 công trình; năm 2017 có 35 công trình (có biểu chi tiết kèm theo).

⁽¹³⁾ Tổng số có 5 công trình, cụ thể: Năm 2016 có 3 công trình: Cải tạo nâng cấp đường trục xã Mai Đình; Rãnh thoát nước UBND xã Mai Đình; Đường bê tông thôn San đi đê tá Cầu, xã Mai Đình. Năm 2017 có 2 công trình: Nhà 4 phòng học chức năng (Giai đoạn 2), xã Hương Lâm; Trường Mầm non Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng (khu Phúc Linh), xã Hương Lâm.

- Ngân sách xã nợ 47,902 tỷ đồng, bao gồm: Nợ của các công trình đã quyết toán là 23,558 tỷ đồng, nợ của các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa phê duyệt quyết toán là 21,873 tỷ đồng và nợ khối lượng hoàn thành của các dự án, công trình thi công dở dang là 2,471 tỷ đồng.

- Nhân dân đóng góp và nguồn khác nợ 5,290 tỷ đồng, bao gồm: Nợ của các công trình đã quyết toán là 0,583 tỷ đồng, nợ của các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa phê duyệt quyết toán là 4,707 tỷ đồng.

Theo Kế hoạch vốn đã dự kiến phân bổ năm 2017, đối với nguồn ngân sách huyện và chủ yếu từ nguồn vốn dự kiến thu tiền sử dụng đất, giá trị nợ đọng XDCCB đến 30/10/2017 sau khi có kế hoạch vốn dự kiến là 47,877 tỷ đồng.

Trong đó:

Ngân sách cấp tỉnh nợ 1,600 tỷ đồng, bao gồm: Nợ của các công trình đã quyết toán là 0,800 tỷ đồng, nợ công trình dở dang là 0,8 tỷ đồng.

Ngân sách huyện nợ 10,366 tỷ đồng, bao gồm: Nợ của các công trình đã quyết toán là 0,815 tỷ đồng, nợ của các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa phê duyệt quyết toán là 0,949 tỷ đồng và nợ khối lượng hoàn thành của các dự án, công trình thi công dở dang là 8,602 tỷ đồng.

- Ngân sách xã nợ 32,369 tỷ đồng, bao gồm: Nợ của các công trình đã quyết toán là 16,925 tỷ đồng, nợ của các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa phê duyệt quyết toán là 13,944 tỷ đồng và nợ khối lượng hoàn thành của các dự án, công trình thi công dở dang là 1,500 tỷ đồng.

- Nhân dân đóng góp và nguồn khác nợ 3,543 tỷ đồng, bao gồm: Nợ của các công trình đã quyết toán là 0,472 tỷ đồng, nợ của các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa phê duyệt quyết toán là 3,071 tỷ đồng.

Các dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư theo mức vốn kế hoạch được giao. Việc cấp phát vốn cho dự án cơ bản đảm bảo theo tiến độ thực hiện, do đó tình trạng nợ đọng XDCCB không quá cao, chủ yếu ở ngân sách cấp xã chiếm 67% tổng số nợ. Qua đó có thể thấy huyện Hiệp Hòa đã thực hiện các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và Chủ tịch UBND tỉnh (như các Chỉ thị: Số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011, số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012, số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ; các Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 30/6/2015; số 09/CT-UBND ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh), giúp cho huyện thực hiện tốt công tác kiểm soát và xử lý nợ đọng XDCCB tại địa phương.

6. Hiệu quả sử dụng vốn đối với một số dự án đầu tư.

Qua thanh tra ngẫu nhiên 14 dự án đầu tư, và 03 gói thầu mua sắm, đã phát hiện một số sai phạm về công tác lập, thẩm định, phê duyệt BCKTKT, thiết kế, dự toán, tổ chức thi công nghiệm thu thanh quyết toán còn có sai sót dẫn đến thất thoát tổng số tiền là 424.421.000 đồng cần phải loại bỏ, xuất toán.

(có biểu chi tiết kèm theo)

III. NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2016-2018, UBND huyện Hiệp Hòa đã tích cực chỉ đạo, điều hành, quản lý thực hiện các dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn nhà nước, huy động các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Nhìn chung, công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ

trương đầu tư, quyết định đầu tư và điều chỉnh tổng mức đầu tư; quá trình thực hiện dự án và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2018 của huyện đã tuân thủ các quy định pháp luật.

Việc tổng hợp, lập kế hoạch, giao kế hoạch vốn đầu tư cho các dự án trong giai đoạn 2016-2018 đã được huyện cơ bản thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của tỉnh về nguyên tắc phân bổ vốn, định mức vốn bố trí theo ngành, lĩnh vực, nhóm dự án và việc quản lý sử dụng các nguồn vốn hàng năm.

Phòng Tài chính - Kế hoạch đã thực hiện tốt công tác tham mưu cho UBND huyện về phân bổ vốn; thẩm định các dự án do UBND huyện quyết định đầu tư, việc thông báo và phân bổ kế hoạch vốn đúng quy định.

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cơ bản theo quy định tại Luật Đầu tư công. Việc thẩm định, trình và phê duyệt dự án đầu tư cơ bản thực hiện theo quy định hiện hành, phù hợp với chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

2. Thiếu sót, khuyết điểm

2.1. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Phê duyệt chủ trương đầu tư đối với một số dự án do cấp xã quyết định đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau không xác định rõ nguồn vốn, cơ cấu tỷ lệ nguồn vốn ở từng cấp ngân sách và nguồn vốn khác, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư đều không có nội dung về nhóm dự án theo quy định.

- Còn một số phê duyệt chủ trương đầu tư sai thẩm quyền hoặc không có văn bản thẩm định nguồn vốn.

- Nội dung các văn bản hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư (Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, văn bản thẩm định nguồn vốn, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư) của một số dự án cấp xã quyết định đầu tư còn nhiều sai sót và chưa đầy đủ các nội dung theo quy định

2.2. Công tác lập, phân bổ kế hoạch vốn

- Biểu mẫu giao kế hoạch đầu tư công hàng năm của huyện chưa phản ánh hết thông tin của dự án theo hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công hàng năm của Trung ương và của tỉnh,

- Bố trí mức vốn kế hoạch nguồn ngân sách huyện từ tiền đất là chưa đúng nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn. Bố trí vốn kế hoạch cho các dự án chuyển tiếp không xác định rõ nguồn vốn của ngân sách cấp nào. Đề nghị bỏ phần này

- Một số dự án cấp xã quyết định đầu tư bố trí vốn kế hoạch cho dự án khởi công mới khi chưa đủ điều kiện theo quy định.

- Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới hoàn thành thủ tục đầu tư chưa đúng thời gian quy định (phê duyệt đầu tư công trình sau mốc thời gian quy định).

- Có tình trạng ở cấp xã, bố trí vốn đến khi quyết toán dự án hoàn thành không đảm bảo tỷ lệ tối thiểu.

- Việc phân bổ kế hoạch vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017- 2018; Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2018: cho các công trình không có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn; phân bổ nguồn vốn không được ghi trong giai đoạn 2018-2020 của Kế hoạch

đầu tư công trung hạn; phân bổ vượt số vốn giai đoạn 2018-2020 của Kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2.3. Công tác đấu thầu và giám sát đầu tư: Công tác kiểm tra đấu thầu và giám sát đánh giá đầu tư chưa được các chủ đầu tư chú trọng.

2.4. Công tác phê duyệt dự án.

- Phê duyệt Báo cáo KTKT đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau đều không xác định rõ nguồn vốn, cơ cấu tỷ lệ nguồn vốn ở từng cấp ngân sách và nguồn vốn khác, cũng như không xác định rõ ngân sách nhà nước ở cấp nào.

- Một số Quyết định đầu tư khi chưa có quyết định chủ trương đầu tư.

- Phê duyệt dự toán một số công trình sử dụng vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới chưa đúng thẩm quyền, chưa phù hợp với định mức, khối lượng là tăng tổng mức đầu tư.

- Tổ chức thực hiện dự án còn để xảy ra sai phạm thất toán từ khâu lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng và nghiệm thu thanh toán.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Do chế độ chính sách của nhà nước về đầu tư công trong có nhiều thay đổi, nhiều văn bản còn chồng chéo dẫn đến người trực tiếp thực hiện khó hiểu, lúng túng.

- Do khối lượng công việc ngày càng nhiều trong khi số lượng cán bộ quá ít chưa tương xứng với khối lượng công việc.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Việc cập nhật những quy định mới của cán bộ quản lý, cán bộ trực tiếp tham mưu thực hiện chưa thường xuyên, liên tục.

- Chủ đầu tư chưa nêu cao trách nhiệm, chưa chỉ đạo sát sao đơn vị trực thuộc trong quá trình thực hiện quy trình về trình, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

- Năng lực cán bộ làm công tác thẩm định Báo cáo KTKT; cán bộ nghiệm thu, giám sát của chủ đầu tư còn hạn chế, không bám sát thực tế thi công của nhà thầu, không phát hiện một số nội dung thi công không phù hợp với hồ sơ thiết kế.

4. Trách nhiệm

- Trách nhiệm đối với các thiếu sót, khuyết điểm xảy ra trong quá trình triển khai thực hiện dự án trên qua thanh tra trước hết và toàn diện thuộc về chủ đầu tư trong việc thực hiện các thủ tục về đầu tư và xây dựng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng trong việc thẩm định phê duyệt Báo cáo KTKT; của cán bộ tài chính các xã, thị trấn trong việc tham mưu xây dựng kế hoạch, phân bổ, giao kế hoạch vốn, thẩm định dự án.

- Trách nhiệm thuộc về các Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công trong việc thực hiện một số dự án để xảy ra sai phạm.

IV. BIỆN PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ vào kết quả thanh tra, mức độ sai phạm. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư xử lý như sau:

1. Xử lý về kinh tế:

Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa có trách nhiệm yêu cầu các Chủ đầu tư xử lý về kinh tế số tiền sai phạm: 424.421.000 đồng, trong đó:

+ Thu hồi nộp ngân sách số tiền: 97.691.000 đồng.

+ Giảm trừ thanh toán, quyết toán số tiền: 137.625.000 đồng

+ Số tiền 189.105.000 đồng không đề nghị xuất toán do đã giảm trừ trong quá trình nghiệm thu thanh toán, song phải tổ chức kiểm điểm tập thể cá nhân khi nghiệm thu, thẩm định dự toán.

Có phụ lục chi tiết kèm theo

2. Xử lý về hành chính:

- Đề nghị UBND huyện Hiệp Hòa tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tổ chức, tập thể, cá nhân tham mưu, chủ đầu tư để xảy ra những tồn tại, sai sót nêu trên. Xem xét, kiểm điểm các chủ đầu tư, cá nhân liên quan để xảy ra sai phạm phải thu hồi NSNN.

3. Xử lý khác. Đề nghị UBND huyện Hiệp Hòa chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện một số nội dung sau:

3.1. Nghiêm túc thực hiện việc lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư trước khi phê duyệt dự án đầu tư. Phê duyệt dự án/ dự toán, chủ trương đầu tư cần đảm bảo đúng thẩm quyền, trong Quyết định phê duyệt xác định rõ nguồn, cơ cấu vốn từng cấp ngân sách, tiến độ thực hiện dự án (thời gian hoàn thành, thời gian kết thúc dự án), đảm bảo dự án hoàn thành đúng thời gian quy định.

3.2. Thực hiện nghiêm túc việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo đúng quy định Luật Đầu tư công trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án, đặc biệt đối với các dự án sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm dự án được bố trí vốn đúng nguồn, có đủ vốn để hoàn thành. Thẩm định đầy đủ các nội dung thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

3.3. Đề nghị UBND huyện chỉ đạo lập và phê duyệt lại kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, theo đó: Tuân thủ đúng nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 (đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách huyện từ tiền đất); việc lập biểu mẫu theo khung hướng dẫn tại Công văn số 5318/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 112/UBND-TH ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh.

3.4. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đầu tư khi có đủ điều kiện, bảo đảm thời gian theo quy định và bố trí vốn kế hoạch đúng với kế hoạch vốn trung hạn đã được giao đối với một số nguồn vốn được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh.

3.6. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan của huyện thực hiện các nội dung sau:

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc sử dụng vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn nhà nước, công tác đấu thầu đối với các chủ đầu tư, bên mời thầu.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các xã thị trấn tiến hành rà soát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư để có biện pháp xử lý đối với các dự án, gói thầu để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tăng cường việc hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, GS-ĐGĐT cho các chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện Kết luận này và gửi báo cáo kết quả xử lý về Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua Thanh tra Sở để báo cáo) trước ngày 30/11/2018.

Giao Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, kiểm tra và đôn đốc thực hiện Kết luận này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- UBND huyện Hiệp Hòa;
- Chủ đầu tư các dự án trên;
- Đoàn thanh tra;
- Lưu: VT, HSTTra.





GIÁ TRỊ KINH TẾ ĐƯỢC PHÁT HIỆN QUA THANH TRA
 Ban hành kèm theo kết luận thanh tra số 1678/KL-SKHĐT ngày 18/9/2018

STT	Tên Chủ đầu tư/công trình	Giá trị kinh tế phát hiện			
		Tổng cộng	Thu hồi	Giảm trừ thanh toán	Xử lý khác
1	Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 3 xã vùng ATK II (Hương Lâm, Hợp Thịnh, Mai Trung), huyện Hiệp Hòa	197,792,000		8,687,000	189,105,000
2	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa	7,850,000		7,850,000	
3	Xây dựng HTKT KDC thôn Nội Quan, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa	0			
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Quang Minh đi Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	9,833,000		9,833,000	
5	Trường tiểu học thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa	27,963,000		27,963,000	
6	Trường mầm non xã Danh Thắng, hạng mục nhà lớp học 2 tầng 4 phòng	22,622,000		22,622,000	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ TL295 đi UBND xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa	7,443,000		7,443,000	
8	Trường Mầm non Hương Lâm 1, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa	12,921,000		12,921,000	
9	Cứng hóa kênh mương tuyến Tân Thành-Đồng Giang-Phú Hòa-Đầu Cầu-Minh Châu, huyện Hiệp Hòa	9,365,000	9,365,000		
10	Trường mầm non Hoàng Lương, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa	20,741,000	20,741,000		
11	Đường GTNT trục xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa	6,900,000	6,900,000		
12	Nhà văn hóa xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa	43,176,000	43,176,000		
13	Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa	25,716,000		25,716,000	
14	San lấp MB, HTKT KDC thôn Giếng và thôn Cửa Đền, xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa	17,509,000	17,509,000		
15	Bảng điện tử phục vụ công tác tuyên truyền huyện Hiệp Hòa	8,130,000		8,130,000	
16	Lắp đặt trang trí dải ngang đường các tuyến năm trong khu vực trung tâm thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa	4,460,000		4,460,000	
17	Lắp đặt dải ngang đường tuyến QL31 thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa	2,000,000		2,000,000	
	Tổng cộng	424,421,000	97,691,000	137,625,000	189,105,000